

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HS-ST
Ngày: 18 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2025/TLST-HS, ngày 13/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS, ngày 03/03/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Ú; sinh ngày: 29/01/1983, tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038083012553; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D, con bà: Nguyễn Thị N; Có vợ là Nguyễn Thị X và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/05/2024 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Bùi Văn D1 (Đã chết)

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Bà Bùi Thị T; sinh năm: 1961; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Bùi Văn T1; sinh năm: 1986 Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Bùi Văn T2; sinh năm: 1990, Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị T và anh Bùi Văn T1: Anh Bùi Văn

T2, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19/10/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3391/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 về việc phê duyệt Báo cáo KTKT dự án: xây dựng phòng học chức năng, thiết bị và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học xã T, huyện T. Đối với dự án xây dựng nói trên, UBND xã T mời thầu với 03 gói thầu bao gồm như sau: Gói thầu số 1 là (lập hồ sơ đánh giá hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp) xây dựng phòng học chức năng, thiết bị và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học xã T, huyện T; Gói thầu số 2 là (Xây lắp và thiết bị) dự án xây dựng phòng học chức năng, thiết bị và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học xã T, huyện T và Gói thầu số 3 là (Giám sát thi công và lắp đặt thiết bị). Đối với gói thầu số 2, vào ngày 24/11/2023, UBND xã T có Quyết định số 82/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 2 đối với đơn vị trúng thầu là liên danh Công ty TNHH T6 (sau đây gọi tắt là công ty T6) và Công ty TNHH T7 (sau đây gọi tắt là công ty T7). Đối với gói thầu số 3, vào ngày 24/11/2023 UBND xã T có Quyết định số 81/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 2 đối với đơn vị trúng thầu là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng công trình M.

Sau khi trúng gói thầu xây dựng tại Trường tiểu học xã T, Công ty TNHH T6 (đại diện là ông Trịnh Văn T3 – Giám đốc Công ty) đã liên hệ với ông Nguyễn Ngọc Ứ (sinh năm: 1983, trú tại: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) và giao cho ông Ứ chịu trách nhiệm thuê công nhân để tiến hành xây dựng tại Trường tiểu học T. Sau khi ông Nguyễn Ngọc Ứ đồng ý, đến ngày 23/12/2023, ông Trịnh Văn T3 đã gửi Hợp đồng giao khoán nhân công xây dựng dưới dạng File “docx” cho ông Nguyễn Ngọc Ứ qua ứng dụng Zalo. Tại thời điểm xảy ra vụ tai nạn lao động hợp đồng trên chưa được ký kết tuy nhiên ông Trịnh Văn T3 và ông Nguyễn Ngọc Ứ đều thống nhất các điều khoản trong hợp đồng.

Sau khi thống nhất các nội dung trong hợp đồng giao khoán nhân công với công ty T6, ông Ứ có thuê ông Bùi Văn D1, sinh năm 1962, trú tại thôn T, xã T, huyện T; anh Dương Văn A sinh năm 1994, trú tại thôn M, xã T, huyện T; ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1956, trú tại thôn Q, xã T, huyện T và một số người khác làm việc tại công trường xây dựng trường tiểu học xã T có địa chỉ tại thôn Y, xã T, huyện T cho mình. Vào sáng ngày 31/01/2024, ông Bùi Văn D1 làm việc tại Công trường xây dựng Trường tiểu học xã T theo sự phân công của ông Ứ. Quá trình làm việc, ông Bùi Văn D1 được ông Nguyễn

Ngọc Ú giao nhiệm vụ làm việc cùng anh Dương Văn A và ông Nguyễn Hữu S xây dựng khu vực nhà trục (nhà bảo vệ). Ông D1 được anh Ú giao nhiệm vụ cụ thể là cùng với anh Dương Văn A và ông Nguyễn Hữu S cắt sắt và đưa sắt lên trần nhà bảo vệ đan sắt dầm, mặt sàn của trần nhà. Quá trình làm việc tại khu vực nhà bảo vệ, do không có thang để trèo lên trần nhà bảo vệ nên ông Bùi Văn D1 và ông Nguyễn Hữu S sử dụng 02 khung kim loại hình chữ U (chân dầm giáo) rộng 127cm cao 180cm chồng lên nhau tạo thành 01 chiếc thang tự chế đặt dựa vào thân cây ổi bên cạnh nhà bảo vệ để trèo lên trần nhà bảo vệ. Đến khoảng 09 giờ 45 phút ngày 31/01/2024, trong quá trình sử dụng thang tự chế để đưa sắt lên trần nhà bảo vệ, ông Bùi Văn D1 đã bị ngã từ trên thang tự chế xuống nền sân của Trường tiểu học xã T. Hậu quả ông Bùi Văn D1 bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại các cơ sở y tế sau đó tử vong trong cùng ngày.

Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã phối hợp với Viện KSND huyện T tiến hành khám nghiệm hiện trường, trung cầu phòng K Công an tỉnh T giám định Pháp y tử thi để xác định nguyên nhân chết đối với nạn nhân Bùi Văn D1; lấy lời khai những người làm chứng trong vụ việc và tiến hành các hoạt động điều tra khác theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định số: 615/KLGĐTT-PC09 ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Nguyên nhân chết của ông Bùi Văn D1: *“Vỡ xương hộp sọ, tụ máu não, phù não.”*

Ngày 01/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện T có Công văn số 72/CV-ĐTTH đề nghị Thanh tra Sở lao động - Thương binh và xã hội tỉnh T phối hợp điều tra vụ tai nạn lao động. Ngày 26/02/2024, Thanh tra Sở lao động - Thương binh và xã hội tỉnh T có Công văn trả lời số 09/TTr ghi nhận quan điểm của Thanh tra Sở về vụ tai nạn lao động như sau:

- Đây là vụ tai nạn lao động.
- Nguyên nhân: Chưa tuân thủ đầy đủ các quy định trong Quy chuẩn VN 18:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng
- Về trách nhiệm:
 - + Công ty TNHH T6 chưa thường xuyên theo dõi và giám sát an toàn tại khu vực, vị trí làm việc của người lao động để kịp thời có biện pháp ngăn chặn, cảnh báo cho người lao động.
 - + Ông Nguyễn Ngọc Ú là người nhận khoán công trình là người chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công.

Quá trình điều tra xác định, mặc dù là người sử dụng lao động, thuê mướn những người khác làm việc cho mình nhưng Nguyễn Ngọc Ú không tổ chức tập huấn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho các công nhân làm việc tại công trình; không ban hành nội quy, quy trình đảm bảo an toàn lao động; không giám sát an toàn lao động đối

với các công nhân làm việc tại khu vực nhà trực (nhà bảo vệ), đồng thời khi làm việc tại trên trần nhà bảo vệ (có độ cao 341cm) ông Bùi Văn D1 cùng những lao động khác đã không được ông Ú trang bị đầy đủ cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi lao động (dây đai bảo hộ), không trang bị lưới bảo vệ dẫn tới người lao động là ông Bùi Văn D1 và ông Nguyễn Hữu S sử dụng 02 khung kim loại hình chữ U (chân dàn giáo) rộng 127cm cao 180cm chồng lên nhau tạo thành 01 chiếc thang tự chế dựa vào gốc cây ổi bên cạnh nhà bảo vệ để trèo lên trần nhà bảo vệ. Quá trình dùng thang tự chế trèo lên trần nhà bảo vệ để làm việc ông D1 tự ngã xuống nền sân trường, hậu quả ông Bùi Văn D1 tử vong. Đây là hành vi vi phạm Điều 14, khoản 3; điều 15; Điều 16 Luật an toàn lao động; vi phạm Điều 2.1.5.2 Điều 2.2.1.1 Điều 2.2.1.3 Điều 2.2.4.3 Điều 2.2.7.1 và Điều 2.2.7.5 Quy chuẩn VN 18: 2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến xảy ra vụ tai nạn lao động gây hậu quả làm ông Bùi Văn D1 tử vong. Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc Ú là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tính mạng, an toàn lao động cho người lao động tại nơi làm việc, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Nguyễn Ngọc Ú có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; cần phải chịu trách nhiệm hình sự để răn đe, phòng ngừa giáo dục chung, bảo vệ tính mạng, sức khoẻ của người lao động khi tham gia lao động. Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc Ú đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về an toàn lao động” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự.

Đối với Công ty TNHH T6: Sau khi trúng thầu, Liên danh công ty TNHH T6 và công ty TNHH T7 đã ký hợp đồng đối với chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân xã T hợp đồng số 2411/2023/HĐXD ngày 24/11/2023 đối với gói thầu số 02: “*Xây lắp và thiết bị và thiết bị dự án: Xây dựng phòng học chức năng, thiết bị và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học xã T, huyện T*”. Trước khi thi công ông Trịnh Văn T3 đã hợp đồng giao khoán nhân công xây dựng với bị cáo Nguyễn Ngọc Ú, tại mục 4.2 Điều 4 của hợp đồng quy định rõ “*Trách nhiệm của bên B (bên phía ông Nguyễn Ngọc Ú): Đảm bảo thi công an toàn tuyệt đối cho người và công trình. Nếu có tai nạn xảy ra, bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật*”. Sau khi được công ty T7 uỷ quyền thi công nhà trực, Trịnh Văn T3 và bị cáo Ú không bổ sung nội dung này vào hợp đồng trên, tuy nhiên hai bên thoả thuận miệng với nhau là anh Ú vẫn đảm nhận phần nhân công xây dựng khu nhà trực, và thống nhất vẫn áp dụng các điều khoản như hợp đồng ngày 25/11/2023 giữa anh T3 và bị cáo Ú khi thi công nhà trực. Mặc dù hợp đồng này chưa được ký văn bản giấy nhưng đã được gửi cho bị cáo Ú xem và hai bên thống nhất, ngày 26/11/2024 bị cáo Ú đã tiến hành thực hiện các hoạt động xây dựng theo hợp đồng, hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện giữa các bên. Vì vậy xác định hợp đồng này là hợp pháp và xác định trách nhiệm chính đảm bảo an toàn lao động trong việc thi công xây dựng đã được chuyển giao từ công ty T6 cho Nguyễn Ngọc Ú. Việc chưa tuân thủ các quy định

khác về an toàn lao động trong tổ chức hoạt động của công ty T6 không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn lao động.

Đối với Công ty M (đơn vị trúng gói thầu số 03): Công ty M là đơn vị ký hợp đồng tư vấn, giám sát với chủ đầu tư là UBND xã T, trong hợp đồng có nêu rõ nội dung giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công, ông Trần Anh N1, giám đốc công ty có thành lập tổ tư vấn giám sát cử anh Lê Văn T4 thực hiện chức năng giám sát tuy nhiên việc giám sát không thường xuyên liên tục, không phát hiện các vấn đề mất an toàn lao động để phối hợp với các bên liên quan giải quyết (vi phạm Điều 120 Luật xây dựng số 50/2014/QH13). Tuy nhiên đây không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn lao động, do đó không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với công ty M và các cá nhân có liên quan. Cơ quan CSĐT Công an huyện T sẽ ban hành văn bản chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm của công ty T6 và công ty M theo quy định.

Đối với chủ đầu tư là UBND xã T: UBND xã T do không có chuyên môn trong giám sát nên đã hợp đồng với công ty M để thực hiện trách nhiệm trong tư vấn, giám sát, mặt khác trong hợp đồng với công ty T6 cũng đã quy định rõ trách nhiệm trong đảm bảo an toàn lao động là của nhà thầu thi công là công ty T6, do đó không có căn cứ xem xét trách nhiệm của chủ đầu tư trong vụ án trên.

Về trách nhiệm dân sự: sau khi vụ tai nạn lao động xảy ra bị cáo Nguyễn Ngọc Ú đã bồi thường cho những người đại diện của nạn nhân Bùi Văn D1 số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Ngoài số tiền nêu trên, người đại diện của ông Bùi Văn D1 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc Ú và người nào khác phải bồi thường thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác. Người đại diện của ông Bùi Văn D1 có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Ngọc Ú.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tạm giữ: 02 (hai) chân dàn giao làm bằng kim loại hình chữ U rộng 127cm cao 180cm. Xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo Ú theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSTT, ngày 11/02/2025, Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Ngọc Ú về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo quy định tại khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa Đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS, xử phạt Nguyễn Ngọc Ú từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc Ú cùng đại diện hợp pháp của người bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong. Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, đại diện VKS đề nghị không xem xét.

* Phần tranh luận tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Mặc dù là người sử dụng lao động, thuê mướn những người khác làm việc cho mình tại công trường xây dựng trường tiểu học xã T có địa chỉ tại thôn Y, xã T, huyện T nhưng Nguyễn Ngọc Ú không tổ chức tập huấn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho các công nhân làm việc tại công trình; không ban hành nội quy, quy trình đảm bảo an toàn lao động; không giám sát an toàn lao động, không trang bị đầy đủ cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi lao động (dây đai bảo hộ), lưới bảo vệ khi thi công khu vực nhà bảo vệ. Người lao động là ông Bùi Văn D1 và ông Nguyễn Hữu S đã sử dụng 02 khung kim loại hình chữ U (chân dàn giáo) rộng 127cm cao 180cm chồng lên nhau tạo thành 01 chiếc thang tự chế dựa vào gốc cây ổi bên cạnh nhà bảo vệ để trèo lên trần nhà bảo vệ để làm việc, dẫn tới việc ông D1 bị ngã xuống nền sân trường và tử vong vào sáng ngày 31/01/2024. Đây là hành vi vi phạm Điều 14, khoản 3; điều 15; Điều 16 Luật an toàn lao động; vi phạm Điều 2.1.5.2 Điều 2.2.1.1 Điều 2.2.1.3 Điều 2.2.4.3 Điều 2.2.7.1 và Điều 2.2.7.5 Quy chuẩn VN 18: 2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến xảy ra vụ tai nạn lao động gây hậu quả làm ông Bùi Văn D1 tử vong. Hành vi của Nguyễn Ngọc Ú đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 295 - Bộ luật hình sự. Cáo trạng mà VKSND huyện Thạch Thành truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc Ú đã “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” về hành vi phạm tội của bản thân; sau khi phạm tội đã tích cực thăm hỏi, bồi thường xong phần dân sự cho gia đình bị hại và được đại diện gia đình bị hại viết đơn đề nghị miễn, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng H, huy chương. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tính chất của vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự an toàn trong lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng xâm phạm tính mạng của người khác. Vì vậy, cần xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của người khác khi sử dụng lao động.

[5]. Mặc dù bị cáo phạm tội nghiêm trọng nhưng là lỗi vô ý do thiếu hiểu biết, một phần cũng do người bị hại bất cẩn trong quá trình làm việc. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, do đó áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Do bị cáo có thu nhập ổn định là 3.000.000 đồng mỗi tháng do đó bị cáo phải bị khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc Ú đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 30.000.000 đồng. Đại diện của người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Ú phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Ú 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án.

Khấu trừ 10% (Mười phần trăm) thu nhập của Nguyễn Ngọc Ú trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Khoản này bằng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mỗi tháng.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Ú cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Nguyễn Ngọc Ú phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người đại diện hợp pháp của người bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người ĐDHP của người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà Lưu Đình T5

Nguyễn Thị C

